

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS - PT

Ngày 19 - 01 - 2024

V/v “*Tranh chấp phần quyền sở hữu và
chia tài sản thuộc sở hữu chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2023 và ngày 19/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp phần quyền sở hữu và chia tài sản thuộc sở hữu chung*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐ-PT ngày 30/11/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2023/QĐ-PT ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thùy L

Địa chỉ: Tổ 14, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Anh Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số 007, phố T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng N

Địa chỉ: Tổ 35, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - Địa chỉ: Đội 7, thôn Q, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Hồng N.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Mai Thùy L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Mạnh H trình bày:

Do có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để kinh doanh bất động sản nên ngày 24/5/2022 chị Mai Thùy L và anh Lê Hồng N đã nhận chuyển nhượng diện tích 3.575,0m² đất rừng sản xuất, thửa đất số 14, tờ bản đồ số P1-34, địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai của hộ ông Nguyễn Đức L với giá là 1.440.000.000 đồng. Chị L và anh N thỏa thuận, thống nhất miệng phần quyền sở hữu của mỗi người căn cứ vào tỷ lệ số tiền đóng góp và Chị L sẽ góp 1.140.000.000 đồng tương đương 79,17% còn anh N sẽ góp 300.000.000 đồng tương đương 20,83%. Tuy nhiên khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì chỉ ghi giá chuyển nhượng trong hợp đồng là 300.000.000 đồng để giảm tiền thuế các bên phải nộp. Tại thời điểm ký hợp đồng anh Lê Hồng N đã chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị L1 (Là thành viên của hộ gia đình ông Nguyễn Đức L) số tiền là 300.000.000 đồng và Chị L chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị L1 số tiền 1.140.000.000 đồng. Từ ngày 16/5/2022 đến ngày 23/5/2022 Chị L đã dùng số tài khoản của mình: 19033596789559 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lào Cai (Techcombank) và dùng số tài khoản 0343789999 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh tỉnh Lào Cai (MB bank) để thực hiện 05 lần giao dịch chuyển tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức L. Số tài khoản nhận tiền của hộ ông Nguyễn Đức L là: 04509365301, chủ tài khoản là chị Nguyễn Thị L1, mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP bank). Nội dung chuyển khoản ghi rõ: “*MAI THUY LINH chuyển khoản mua đất*”. Sau khi nhận chuyển nhượng Chị L và anh N đã làm thủ tục đăng ký biến động đất đai. Đến ngày 01/6/2022 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 870718 mang tên người sử dụng đất là ông Lê Hồng N cùng sử dụng đất với bà Mai Thùy L và GCNQSDĐ số DG 870719 mang tên người sử dụng đất là bà Mai Thùy L cùng sử dụng đất với ông Lê Hồng N. Sau đó Chị L và anh N thỏa thuận sẽ chuyển một phần đất rừng sang đất nông nghiệp và một phần sang đất thổ cư để bán cho dễ. Tuy nhiên khi liên quan đến kinh phí hai bên có quan điểm trái ngược dẫn đến mâu thuẫn, việc làm ăn chung không thể tiếp tục được và không thể tự phân chia phần quyền sở hữu bằng cách tách thửa được. Vì vậy Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên phần quyền sở hữu của chị Mai Thùy L và anh Lê Hồng N đối với diện tích 3.575,0m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14, địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai theo tỷ lệ số tiền đóng góp thì phần quyền sở hữu của chị Mai Thùy L là 79,17%, phần quyền sở hữu của anh Lê Hồng N là 20,83%. (Tại đơn khởi kiện Chị L đề nghị tuyên cho anh N được hưởng phần

quyền sở hữu theo tỷ lệ đóng góp đã làm tròn là 20,84%, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn sửa lại là 20,83%).

- Tuyên chấm dứt sở hữu chung của anh Lê Hồng N đối với quyền sử dụng diện tích 3.575,0m² đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Tuyên Chị L được hưởng toàn bộ tài sản chung là diện tích 3.575,0m² đất rừng trên, Chị L có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Lê Hồng N số tiền tương ứng với tỉ lệ đóng góp là 20,83% theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản.

- Tuyên Chị L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ theo Quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lê Hồng N, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Văn D là trình bày:

Năm 2022 anh Lê Hồng N và chị Mai Thùy L cùng nhau nhận chuyển nhượng diện tích 3.575m² đất rừng của hộ ông Nguyễn Đức L tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số P1-34, địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện B. Giá trị chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, khi nhận chuyển nhượng anh N và Chị L có thỏa thuận miệng với nhau mỗi bên góp 50% giá trị tiền chuyển nhượng, tương đương 50% quyền sở hữu (Tức là mỗi người góp 150.000.000 đồng). Anh N và Chị L không thỏa thuận phân chia vị trí, kích thước, dài rộng cụ thể của phần đất mỗi bên có quyền sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng, mà chỉ thống nhất với nhau sẽ dùng làm kho xưởng chế biến nông sản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Chị L thì anh không đồng ý, tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/5/2022 thì anh N và Chị L là bên nhận chuyển nhượng chứ không phân chia cụ thể phần sở hữu, giá trị chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, hợp đồng công chứng đã thỏa mãn đầy đủ những yếu tố về nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật và có giá trị pháp lý quan trọng thể hiện thỏa thuận giữa các bên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 209, khoản 1 Điều 218, Điều 219, Khoản 2 Điều 220 Bộ luật dân sự; Điều 158, Điều 159, Điều 166, Khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Mai Thùy L.

Chị L được hưởng toàn bộ tài sản chung là diện tích 3.575,0m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: P1-34, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất: Thôn T, thị trấn P, huyện B đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 870718 mang tên người sử dụng đất là ông Lê Hồng N cùng sử dụng đất với bà Mai Thùy L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 870719 mang tên người sử dụng đất là bà Mai Thùy L cùng sử dụng đất với ông Lê Hồng N, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01433 ngày 01/06/2022.

2. Buộc nguyên đơn chị Mai Thùy L có nghĩa vụ trả tiền phân quyền sở hữu đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Lê Hồng N là 300.349.540 đồng (*Ba trăm triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi đồng*).

3. Chấm dứt sở hữu chung của anh Lê Hồng N đối với diện tích 3.575,0m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số P1-34, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất: Thôn T, thị trấn P, huyện B đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 870718 mang tên người sử dụng đất là ông Lê Hồng N cùng sử dụng đất với bà Mai Thùy L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 870719 mang tên người sử dụng đất là bà Mai Thùy L cùng sử dụng đất với ông Lê Hồng N, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01433 ngày 01/06/2022. Chị L có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền đề được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên cụ thể về tứ cận của thửa đất, về chi phí tố tụng, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/9/2023, Bị đơn anh Lê Hồng N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ/KNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Hồng N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị:

Đơn kháng cáo của Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn anh Lê Hồng N là anh Nguyễn Văn D nộp đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật. Việc làm đơn kháng cáo nằm trong phạm vi nội dung được ủy quyền giữa anh Lê Hồng N và anh Nguyễn Văn D. Vì vậy, xác định việc kháng cáo của anh Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai được ban hành trong thời hạn, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 279, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do kháng cáo của Bị đơn anh Lê Hồng N; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai hợp lệ nên là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Lê Hồng N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

[2.1] Về những người tham gia tố tụng trong vụ án:

Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn chị Mai Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên phần quyền sở hữu của Chị L và anh Lê Hồng N đối với diện tích đất 3.575,0m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14, địa chỉ: Thôn Tòng Giá, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai theo tỷ lệ số tiền đóng góp và chấm dứt sở hữu chung của anh N đối với quyền sử dụng đất này, Chị L được hưởng toàn bộ tài sản. Do tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên việc Tòa án sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là phù hợp.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2023 của TAND huyện B đã xác định trong diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho chị L và anh N (cùng sử dụng chung) có 02 gia đình đang sử dụng, cụ thể: Gia đình ông Nguyễn Văn V đang sử dụng diện tích 146,3m²; Gia đình ông Nguyễn Đức C đang sử dụng diện tích 196,8m². Ngoài ra, bà Vũ Thị B - Trú tại: Thôn T, thị trấn P cung cấp thông tin về việc trước kia gia đình ông Nguyễn Đức L (chủ sử dụng đất cũ trước khi chuyển nhượng cho chị L và anh N) đã chuyển nhượng cho bà diện tích khoảng 344,4m² nhưng chưa thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng (có chiều mặt đường giáp Quốc lộ 70 là 10 và chiều sâu dài hết đất). Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không lấy lời khai của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Đức C là những hộ đang sử dụng một phần diện tích đất để làm rõ quyền lợi, nghĩa vụ của họ và xem xét có đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không là thiếu. Bởi lẽ, đây là vụ án “Tranh chấp phần quyền sở hữu và chia tài sản thuộc sở hữu chung” nên hậu quả giải quyết vụ án là việc giao cho

một trong hai bên hoặc cả hai bên được sử dụng đất. Việc Tòa án sơ thẩm không lấy lời khai của những hộ đang sử dụng đất sẽ dẫn đến khó khăn khi thi hành án, có thể xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa đương sự được giao sử dụng đất với các hộ đang sử dụng đất.

Đối với bà Vũ Thị B thì Tòa án sơ thẩm đã lấy lời khai. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2023 (BL 130) bà B trình bày khoảng năm 2017 - 2017 gia đình bà có mua của ông Nguyễn Đức L (chủ sử dụng đất cũ) diện tích đất khoảng 344,4m² và khi anh N, chị L nhận chuyển nhượng đất của ông L thì cũng biết việc này. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không lấy lời khai của chị L và anh N về vấn đề này là thiếu sót.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2024 ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Đức C là những hộ có đất giáp ranh, liền kề với diện tích đất tranh chấp đã tự xác định tại thực địa ranh giới đất giữa gia đình mình với đất tranh chấp, trong đó diện tích đất của hộ ông Nguyễn Đức C có ranh giới rõ ràng (xây tường gạch) ngăn cách với diện tích đất tranh chấp. Kết quả có diện tích đất 146,3m² hộ ông Nguyễn Văn V đang sử dụng và diện tích đất 196,8m² hộ ông Nguyễn Đức C đang sử dụng nằm trong GCNQSDĐ cấp cho Chị L cùng sử dụng chung với anh N. Theo đó cần thiết phải xác minh, lấy lời khai của hộ ông Nguyễn Văn V và hộ ông Nguyễn Đức C để làm rõ quá trình sử dụng đất của các hộ, quá trình cấp GCNQSDĐ cho chị L, anh N có xem xét hiện trạng sử dụng đất thực tế không.

Đối với bà Vũ Thị B tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 08/01/2024 thì bà B trình bày: “Khoảng năm 2008 - 2009 gia đình bà B và ông Đỗ Ngọc S, ông Lê Văn T cùng thực hiện việc san gạt mặt bằng đất cho ông Nguyễn Đức L. Do không có tiền trả công nên ông L đã trả công bằng đất của mình có chiều rộng mặt đường là 10 mét tính từ tường xây của nhà ông Nguyễn Đức C, chiều sâu hết đất. Khi anh N mua lại đất của ông L thì anh N biết rõ việc trong thửa đất có 10 mét mặt đường đất của bà B, ông S và ông T”. Như vậy, lời khai của bà B tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là không thống nhất và cần làm rõ.

[2.2] Về việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ:

Nguyên đơn Chị L cho rằng chị và anh N thỏa thuận mua đất của ông Nguyễn Đức L với giá 1.440.000.000 đồng, trong đó chị L góp 1.140.000.000 đồng, anh N góp 300.000.000 đồng. Tuy nhiên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ ghi giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng để giảm nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L cung cấp chứng cứ chứng minh các giao dịch chuyển tiền chuyển nhượng qua tài khoản của chị Nguyễn Thị L1 là con gái ông Nguyễn Đức L, nội dung chuyển nhượng đều liên quan đến việc chuyển tiền đặt cọc và mua đất. Mặc dù Tòa án sơ thẩm đã thu thập sao kê tài khoản của chị L và chị Lan có liên quan đến giao dịch này tuy nhiên các chứng cứ này chưa đủ căn cứ để khẳng định giá chuyển nhượng, phương thức thanh toán tiền chuyển nhượng giữa chị L, anh N với ông L. Xét thấy, cần phải làm rõ việc

ông L có nhận tiền chuyển nhượng thông qua chị Lan hay không, giá chuyển nhượng cụ thể thỏa thuận giữa chị L, anh N với ông L là như thế nào? Trong vụ án này việc lấy lời khai của ông L là cần thiết để làm rõ những vấn đề liên quan. Mặc dù Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu Nguyên đơn chị L cung cấp địa chỉ của ông L và xác minh tại nơi cư trú trước kia của ông L nhưng chưa xác minh về việc gia đình ông L đã chuyển khẩu đến nơi nào khác là thiếu sót.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng Tòa án sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định thiếu người tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, quyết định của bản án sơ thẩm có thể gây khó khăn trong việc thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Hồng N, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo anh Lê Hồng N không phải chịu án phí phúc thẩm; Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn anh Lê Hồng N và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lê Hồng N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Lê Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-22P, số 0000899 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Thanh